TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 498/2023/DS-PT
Ngày: 26, 29/9/2023
V/v:" Tranh chấp chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Phí Thành Chung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26, 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 624/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST, ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hiếu, sinh năm 1974 *(có mặt tại phiên tòa).*

HKTT: Số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Nơi tạm trú: Số 9, ngõ Hòa Bình 1, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Chính, sinh năm 1971 *(có mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú: Số 15, ngõ Chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chính: Luật sư Trần Quang Sơn - Công ty Luật TNHH Quốc Thái thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà CT13B, đường Võ Chí Công, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Luật sư Phan Anh Tuấn, Luật sư Nguyễn Thị Thúy, Công ty Luật TNHH Việt Phú Thịnh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội *(các Luật sư đều có mặt tại phiên tòa).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thanh Vân, sinh năm 1976 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Anh Nguyễn Trung Nghĩa, sinh năm 1995 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

3. Ông Nguyễn Thành Chung, sinh năm 1952 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Cùng nơi thường trú: Số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cùng nơi tạm trú: Số 15, ngõ Chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Chung là ông Nguyễn Thành Chính (Bị đơn trong vụ án) *(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 402/2021GUQ Quyển số 02/TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Quang Minh).*

4. Ông Nguyễn Văn Chức, sinh năm 1958 *(có mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Số 31E, ngõ Hòa Bình 3, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú hiện tại: Số 9, ngách 12, ngõ Hòa Bình 3, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5. Bà Cao Thị Thúy, sinh năm 1944 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Thôn Sâm Hồng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thúy: Bà Cao Thị Hệt (tức Hương), sinh năm 1952 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3483 Quyển số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/7/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh, thành phố Hà Nội. *Bà Hệt có mặt tại phiên tòa).*

6. Bà Cao Thị Hệt (tức Hương), sinh năm 1952 *(có mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Số 44, A8, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

7. Chị Phạm Thị Huệ, sinh năm 1973 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

8. Anh Phạm Kim Cương, sinh năm 1975 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Nơi thường trú: Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huệ, anh Cương: Bà Cao Thị Hệt (tức Hương), sinh năm 1952 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 3303 Quyển số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2021 tại Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh. *Bà Hệt có mặt tại phiên tòa).*

9. Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng

Trụ sở: Số 33, phố Đại Cồ Việt, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Trung - Chủ tịch UBND quận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ninh Anh Hải - Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng (Theo Văn bản số 853/UBND-VP ngày 16/6/2022 *(vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hiếu trình bày:

Bố đẻ bà là cụ Nguyễn Văn Tĩa, sinh năm 1909, mất năm 2008. Mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Thị Quỳ, sinh năm 1924, mất năm 2011. Bố mẹ bà mất đi không để lại di chúc. Sinh thời, bố, mẹ bà có quan hệ nhân thân như sau:

Năm 1962, cụ Tĩa chung sống với cụ Nguyễn Thị Yểng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1968 cụ Yểng mất, cụ Tĩa và cụ Yếng không có con chung. Sau đó, thông qua các văn bản thông báo của UBND phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thì bà được biết, đến tháng 5/2020, thông tin nhân thân các con của cụ Yểng (do bà Cao Thị Hệt tự cung cấp) như sau: Bà Cao Thị Hạt, sinh năm 1940, mất năm 2005, có chồng là Phạm Văn Sứ, chết không rõ năm nào. Bà Hạt có con trai là Phạm Kim Cương, sinh năm 1975, địa chỉ xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Cao Thị Thúy, sinh năm 1944, địa chỉ thôn Xám Hồng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Bà Cao Thị Hệt, sinh năm 1952, địa chỉ số 44 A8, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Trước khi chung sống với cụ Yểng, cụ Tĩa đã có người con nuôi hợp pháp là ông Nguyễn Thành Chung, sinh năm 1952, nhưng thông tin về Giấy khai sinh của ông Chung đã không còn lưu trữ. Căn cứ vào Sổ hộ khẩu của gia đình lưu trữ tại UBND phường Minh Khai từ trước năm 1975 đến nay thể hiện ông Chung là con của cụ Tĩa và cụ Quỳ. Năm 1969, cụ Tĩa kết hôn với mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Thị Quỳ, cũng không có đăng ký kết hôn. Trước khi lấy cụ Tĩa, cụ Quỳ đã có một người con riêng với chồng trước (Cụ Nguyễn Văn Cửu) là ông

Nguyễn Văn Chức, sinh năm 1958. cụ Tĩa và cụ Qùy sinh được 02 con chung là ông Nguyễn Thành Chính, sinh năm 1971 và bà là Nguyễn Thị Hiếu, sinh năm 1974. Khi còn sống, cụ Tĩa không có quan hệ nuôi dưỡng với ông Chức.

Di sản của cụ Tĩa là quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23, theo Giấy nhượng đất và hoa màu giữa cụ Nguyễn Thế Chung - Chủ nhiệm HTX Ánh Hồng với cụ Tĩa và cụ Yểng ngày 08/10/1966, đã sang tên trước bạ quyển 7, tờ 48, số 479 tại Sở Quản lý nhà đất, địa chỉ số 25B, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Diện tích thửa đất là 95.99m². Di sản thừa kế đã bị thu hồi theo Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai II và Quyết định số 5744/-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyền sử dụng đất của diện tích đất bị thu hồi là 8.606.797.502 đồng và giá trị tài sản trên đất là: 293.166.400 đồng. Chính sách tự lo tái định cư được hỗ trợ 833.136.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Quỳ theo pháp luật cho bà được hưởng 500.000.000 đồng, trường hợp kỷ phần thừa kế của bà được hưởng nhiều hơn 500.000.000 đồng, thì bà đồng ý cho ông Chính hưởng phần chênh lệch.

Bị đơn - ông Nguyễn Thành Chính trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Văn Tĩa, sinh năm 1909, mất năm 2008. Mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Quỳ, sinh năm 1924, mất năm 2011. Cụ Qùy mất đi không để lại di chúc. Sinh thời, cụ Tĩa, cụ Qùy có quan hệ nhân thân như sau: Năm 1962, cụ Tĩa chung sống với cụ Nguyễn Thị Yểng, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1968, cụ Yểng mất, cụ Tĩa và cụ Yểng không có con chung. Sau đó, thông qua các văn bản thông báo của UBND phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, ông được biết, đến tháng 5/2020, thông tin nhân thân các con của cụ Yểng (do bà Cao Thị Hệt tự cung cấp) như sau: Bà Cao Thị Hạt, sinh năm 1940, mất năm 2005, có chồng là Phạm Văn Sứ, không rõ năm chết. Bà Hạt có con trai là Phạm Kim Cương, sinh năm 1975, địa chỉ xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Cao Thị Thúy, sinh năm 1944, địa chỉ thôn Xâm Hồng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Bà Cao Thị Hệt, sinh năm 1952, địa chỉ số 44, A8, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Trước khi chung sống với cụ Yểng, cụ Tĩa đã có người con nuôi hợp pháp là ông Nguyễn Thành Chung, sinh năm 1952, nhưng thông tin về Giấy khai sinh của ông

Chung đã không còn lưu trữ. Căn cứ vào sổ hộ khẩu của gia đình lưu trữ tại UBND phường Minh Khai từ trước năm 1975 đến nay thể hiện ông Chung là con của cụ Tĩa và cụ Quỳ. Năm 1969, cụ Tĩa kết hôn với cụ Quỳ và cũng không có đăng ký kết hôn. Trước đó, cụ Qùy đã có một người con riêng với chồng trước (Cụ Nguyễn Văn Cửu) là ông Nguyễn Văn Chức, sinh năm 1958. Cụ Tĩa và cụ Qùy sinh được 02 người con chung là ông - Nguyễn Thành Chính, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Hiếu, sinh năm 1974. Khi còn sống, cụ Tĩa không có quan hệ nuôi dưỡng đối với ông Chức.

Tài sản của cụ Tĩa là quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 94, diện tích 95,99m^2, tờ bản đồ số 5H-II-23, theo Giấy nhượng đất và hoa màu giữa ông Nguyễn Thế Chung - Chủ nhiệm HTX Ánh Hồng với cụ Tĩa, cụ Yểng ngày 08/10/1966, đã sang tên trước bạ quyển 7, tờ 48, số 479 tại Sở Quản lý nhà đất, địa chỉ số 25B, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Năm 1975, cụ Tĩa, cụ Quỳ phá nhà lá để xây mới 01 nhà cấp 4 mái ngói ở cuối thửa đất. Năm 1978, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây thêm 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép 01 tầng 12m^2 làm bếp giữa thửa đất. Năm 1980, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây dựng mới 01 nhà cấp 4 mái ngói giáp mặt phố. Năm 1996, vợ chồng ông sửa chữa lớn nhà cấp 4 giáp mặt phố, tôn nền, phá hết vỉ ruồi, xây tường cao thêm 2,5m, làm thêm gác xép, lát nền, làm cửa xếp, chống nóng, làm trần giả để bán hàng đồng nát. Năm 1997, vợ chồng ông sửa chữa lớn nhà mái bằng để lấy chỗ cho vợ ông và bà Hiếu bán hàng (do tiếp giáp với ngõ Hòa Bình 1). Năm 2007, vợ chồng ông phá toàn bộ nhà cấp 4 cuối thửa đất để xây mới 01 nhà cấp 4 mái tôn. Toàn bộ chi phí xây dựng, sửa chữa do vợ chồng ông bỏ ra, cụ Tĩa, cụ Quỳ, ông Chung, ông Chức không đóng góp gì.

Ngày 22/12/2007, cụ Tĩa lập Di chúc bằng văn bản, có 02 người làm chứng. Trong di chúc, cụ Tĩa quyết định ông được toàn quyền sử dụng 94,9m^2 đất tại số 25B, phố Minh Khai sau khi cụ Tĩa qua đời. Ông Chung là con nuôi chỉ được ở cùng ông, không có quyền lợi gì khác. Trường hợp ông chuyển nhượng nhà, đất cho người khác hoặc nhà đất có sự thay đổi tạo ra nguồn tài chính đền bù, thì ông phải cho bà Hiếu một số tiền tương đương 20% giá trị đất hoặc 20% tổng số tiền đền bù. Ông Chung được tiếp tục ở với ông tại nơi ở mới.

Di sản thừa kế đã bị thu hồi theo Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai II và Quyết định số 5744/-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo Phương

án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi là 8.606.797.502 đồng, giá trị tài sản trên đất là 247.222.400 đồng. Chính sách tự lo tái định cư được hỗ trợ là 833.136.000 đồng.

Tại thời điểm vợ chồng ông sửa chữa, phá nhà cũ để xây nhà mới, thì nhà cũ của cụ Tĩa, cụ Quỳ không còn giá trị, nên ông đề nghị vợ chồng ông được sở hữu số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi là 247.222.400 đồng và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác là 45.944.000 đồng. Số tiền 833.136.000 đồng tự lo tái định cư là quyền lợi chung của ông Chung, vợ chồng ông và con trai là anh Nguyễn Trung Nghĩa. Nay ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Tĩa, cụ Quỳ theo di chúc và pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. *Bà Phan Thanh Vân trình bày:*

Ngày 23/3/1995, bà đăng ký kết hôn với ông Chính và tạo lập cuộc sống chung cùng chồng và gia đình nhà chồng từ đó tới nay. Khi về làm dâu trong gia đình, bà được biết bố chồng bà là cụ Tĩa chung sống với cụ Yểng từ năm 1962 (không có đăng ký kết hôn và không có con chung). Trong thời gian chung sống, cụ Tĩa và cụ Yểng đã cùng tạo dựng được ngôi nhà mái lá trên thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23 (theo Giấy nhượng đất và hoa màu giữa ông Nguyễn Thế Chung - Chủ nhiệm HTX Ánh Hồng với cụ Tĩa Tĩa, cụ Yểng ngày 08/10/1966).

Năm 1968, cụ Yểng chết. Thời điểm này, quyền sử dụng đất chưa được pháp luật thừa nhận là tài sản, nên di sản thừa kế mà cụ Yểng để lại chỉ là 1/2 ngôi nhà mái lá trên thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23 được cụ Tĩa tiếp tục ở và quản lý. Năm 1970, cụ Tĩa kết hôn với cụ Quỳ không có đăng ký kết hôn. Trước khi lấy cụ Tĩa, cụ Quỳ đã có một người con riêng với chồng trước (cụ Nguyễn Văn Cửu) là ông Chức. Cụ Tĩa và cụ Quỳ sinh được 02 người con chung, gồm ông Chính (là chồng của bà) và bà Hiếu. Khi còn sống, cụ Tĩa không có quan hệ nuôi dưỡng đối với ông Chức. Trước khi chung sống với cụ Yểng, cụ Tĩa đã có người con nuôi là ông Chung. Hiện tại, ông Chung vẫn ăn ở, sinh hoạt chung cùng nhà với vợ chồng bà Vân, ông Chính.

Cụ Tĩa, cụ Quỳ và ông Chung tiếp tục tạo lập cuộc sống ổn định một thời gian dài tại ngôi nhà mái lá đó. Năm 1975, cụ Tĩa, cụ Quỳ phá nhà lá để xây mới 01 nhà cấp 4 mái ngói ở cuối thửa đất. Năm 1978, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây thêm 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép 01 tầng 12m^2 làm bếp giữa thửa đất. Năm 1980, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây dựng mới 01 nhà cấp 4 mái ngói giáp mặt phố. Năm 1996, vợ chồng bà sửa chữa lớn nhà cấp

4 giáp mặt phố, tôn nền, phá hết vỉ ruồi, xây tường cao thêm 2,5m, làm thêm gác xép, lát nền, làm cửa xếp, chống nóng, làm trần giả để bán hàng đồng nát. Năm 1997, vợ chồng bà sửa chữa lớn nhà mái bằng để lấy chỗ cho bà và bà Hiếu bán hàng (do tiếp giáp với ngõ Hòa Bình 1). Năm 2007, vợ chồng bà phá toàn bộ nhà cấp 4 cuối thửa đất để xây mới 01 nhà cấp 4 mái tôn. Toàn bộ chi phí xây dựng, sửa chữa do vợ chồng bà bỏ ra, cụ Tĩa, cụ Quỳ, ông Chung, ông Chức không đóng góp gì. Những tài sản trên tồn tại đến thời điểm UBND quận Hai Bà Trưng ban hành Quyết định số 5744/QĐ ngày 11/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Cụ Tĩa mất năm 2008, có để di chúc cho ông Chính được hưởng toàn bộ di sản thừa kế. Cụ Quỳ mất năm 2011 không để lại di chúc. Sau khi cụ Tĩa, cụ Quỳ mất, vợ chồng bà tiếp tục quản lý toàn bộ nhà cửa và các tài sản khác do vợ chồng bà đã tạo lập được khi bố mẹ còn sống trên mảnh đất 95,99m^2 tại số 25B, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện tại, toàn bộ nhà cửa cùng các tài sản khác do vợ chồng bà tạo lập gắn liền với đất đã bị thu hồi theo Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai II và Quyết định số 5744/QĐ -UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó, tiền bồi thường đất ở: 8.606.792.502 đồng (trừ) 20.637.850 đồng (nghĩa vụ tài chính về đất đai phải nộp) = 8.586.154.652 đồng; Tiền bồi thường tài sản trên đất: 245.645.228 đồng; Tiền chênh lệch giá khi tự lo tái định cư: 833.136.000 đồng; Tiền hỗ trợ khác (hỗ trợ vận chuyển, ổn định cuộc sống, thưởng tiến độ...): 45.000.000 đồng. Do có tranh chấp về việc phân chia di sản thừa kế nên toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được chuyển vào Kho bạc quận Hai Bà Trưng, chờ giải ngân theo quyết định của Tòa án. Bà nhất trí với quan điểm của ông Chính.

2. *Anh Nguyễn Trung Nghĩa trình bày:*

Anh Nghĩa sinh ra và lớn lên tại nhà số 25B, phố Minh Khai và sinh sống cùng ông, bà, bố, mẹ đến năm 2019, thì nhà đất bị thu hồi. Trong thời gian sinh sống, bố mẹ anh có xây sửa lại nhà để cả gia đình cùng sinh sống, anh còn nhỏ, nên không có đóng góp công sức, tiền của gì. Nay toàn bộ nhà đất đã bị thu hồi để mở đường Minh Khai, gia đình anh được đền bù một khoản tiền nhất định, anh đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Anh nhất trí với ý kiến của bố anh là ông Chính tại Biên bản về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

3. *Ông Nguyễn Thành Chung và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành Chính trình bày:*

Ông Nguyễn Thành Chung sinh năm 1952, được cụ Nguyễn Văn Tĩa nhận về nuôi khi mới sinh. Hiện tại thông tin về Giấy khai sinh của ông Chung đã không còn lưu trữ tại cơ quan Nhà nước. Ông Chung đã liên hệ với cơ quan chính quyền để được cấp Trích lục khai sinh với thông tin: Nguyễn Thành Chung là con của cụ Tĩa và cụ Quỳ, căn cứ vào sổ hộ khẩu của gia đình từ trước năm 1975 đến nay. Ông Chung vẫn chung sống với cụ Tĩa, cụ Quỳ, ông Chính, bà Hiếu từ nhỏ đến nay tại nhà số 25B, phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Năm 2008, trước khi cụ Tĩa mất, cụ Tĩa có căn dặn lại và có di chúc viết lại rằng ông Chung vẫn được chung sống với gia đình ông Chính ở ngôi nhà của cụ Tĩa, cụ Quỳ để lại, trường hợp ông Chính bán nhà đi nơi khác, thì ông Chung cũng vẫn được ở cùng gia đình ông Chính. Đến năm 2019, UBND quận Hai Bà Trưng ban hành Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai II và Quyết định số 5744/-UBND ngày 11/12/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.Ông Chung chỉ có nguyện vọng là được chung sống với gia đình ông Chính, còn lại phần thừa kế mà ông Chung được hưởng của cụ Tĩa, sau khi Tòa án phân chia thì ông Chung tặng cho ông Chính để lo liệu công việc của gia đình và thờ cúng các cụ tổ đường.

4. *Ông Nguyễn Văn Chức trình bày:*

Bố đẻ ông là cụ ông Nguyễn Văn Cửu, không rõ năm sinh, đã mất năm 2000. Mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Thị Quỳ, sinh năm 1924, là vợ hai của cụ Cửu. Khoảng năm 1968 - 1969, cụ Cửu, cụ Quỳ ly hôn. Cuối năm 1969, cụ Quỳ tái hôn với cụ Nguyễn Văn Tĩa nhưng không có đăng ký kết hôn, ông sống ở quê thôn Gia Trung, xã Quang Minh, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc với bà ngoại. Cụ Quỳ và cụ Tĩa sinh được 02 người con chung là ông Chính, sinh năm 1971 và bà Hiếu, sinh năm 1974. Khi còn sống, cụ Tĩa không có quan hệ nuôi dưỡng đối với ông. Cụ Quỳ về chung sống với cụ Tĩa tại số 20, phố Minh Khai, khoảng 130m^2 đất, trên có 01 nhà mái lá giáp mặt phố. Năm 1973, nhà mái lá bị cháy, cụ Quỳ về quê lấy tiền tiết kiệm của mình mang ra cùng với cụ Tĩa xây dựng mới 01 nhà cấp 4 mái ngói. Khi đó, ông đang nghỉ hè, ra chơi với cụ Quỳ, nên biết việc xây nhà. Năm 1974, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây thêm 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép 01 tầng 12m^2 làm bếp giữa thửa đất. Năm 1982, cụ Tĩa, cụ Quỳ xây dựng 01 nhà cấp 4 mái ngói cuối thửa đất. Năm 1996, cụ Tĩa, cụ Quỳ đứng

ra sửa chữa nhà cấp 4 giáp mặt phố, làm thêm gác xép, xây tường cao 2,5m, lát nền để ông Chính, bà Hiếu bán quần áo. Năm 1997, vợ chồng ông Chính, bà Vân sửa chữa nhà mái bằng để lấy chỗ cho bà Vân và bà Hiếu bán hàng (do tiếp giáp với ngõ Hòa Bình 1). Năm 2007, vợ chồng ông Chính, bà Vân phá toàn bộ nhà cấp 4 cuối thửa đất để xây mới 01 nhà cấp 4 mái tôn.

Di sản thừa kế hiện đã bị thu hồi, giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai II và Quyết định số 5744/-UBND do ngày 11/12/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất bị thu hồi là: 8.606.797.502 đồng, giá trị tài sản trên đất là 293.166.400 đồng. Chính sách tự là tái định cư được hỗ trợ 833.136.000 đồng.

Về yêu cầu của ông Chính cho ông Chính, bà Vân được sở hữu số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi là 247.222.400 đồng và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác là 45.944.000 đồng và yêu cầu xác định số tiền 833.136.000 đồng tự lo tái định cư là quyền lợi chung của ông Chung, ông Chính, bà Vân và anh Nghĩa, ông hoàn toàn đồng ý. Ông yêu cầu chia di sản của cụ Quỳ theo pháp luật cho ông, ông Chính và bà Hiếu. Cụ Quỳ và ông Chung không nuôi dưỡng, chăm sóc nhau như mẹ kế với con riêng của chồng, nên ông Chung không được hưởng thừa kế di sản của cụ Quỳ.

5. *Bà Cao Thị Hệt (tức Hương), bà Cao Thị Thúy, chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương do bà Hệt (tức Hương) là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bố mẹ các bà là cụ Cao Văn Nghênh và cụ Nguyễn Thị Yểng ở thôn Xâm Hồng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Cụ Nghênh và cụ Yểng sinh được 04 người con gồm: Bà Cao Thị Hạt, sinh năm 1940, bà Cao Thị Thúy, sinh năm 1944, bà Cao Thị Hệt (tức Hương), sinh năm 1952 và ông Cao Văn Du (chết lúc còn nhỏ). Ngày 10/6/1953, cụ Nghênh bị giặc bắt đi phu, từ ngày đó không trở về, gia đình lấy ngày 10/6 hàng năm để cúng giỗ. Năm 1962, cụ Yểng được cụ Nguyễn Văn Tĩa đón ra Hà Nội làm vợ. Bà còn nhỏ theo mẹ ra Hà Nội, hai chị bà là Cao Thị Hạt 22 tuổi và Cao Thị Thúy 18 tuổi ở lại quê.

Vợ trước của cụ Tĩa là cụ Nguyễn Thị Nga là chị ruột cụ Yểng. Cụ Nga chết, cụ Tĩa lấy cụ Yểng, nên cụ Tĩa vừa là bố dượng, vừa là bác rể của bà. Bà ở cùng cụ

Tĩa từ nhỏ, đi học, đi làm đến khi đi lấy chồng. Năm 1964, bà học lớp 4 sơ tán ở trong chùa Hưng Ký. Nhà ở số 147, phố Minh Khai có 4 người ở cùng nhau gồm: Cụ Tĩa, cụ Yểng, ông Chung (con riêng cụ Tĩa) và bà. Cụ Yểng cùng với cụ Tĩa nuôi dưỡng, chăm sóc ông Chung và bà. Thời gian đó, cụ Tĩa và cụ Yểng cũng làm ở Hợp tác xã cao cấp Liên Thành ở phố Minh Khai, cụ Tĩa là Chủ nhiệm Hợp tác xã. Do cụ Tĩa ký giấy tờ thất thoát tài sản của Hợp tác xã, nên bị bắt giam ở trại Thái Nguyên chờ xét xử. Cụ Yểng nuôi bà và ông Chung ăn học, tiếp tế cho cụ Tĩa. Sau 3 năm tạm giam, cụ Tĩa được về, làm thất thoát tiền của Hợp tác xã phải đền, nhà số 147, phố Minh Khai không còn, gia đình chuyển đi. Năm 1967, cụ Yểng và cụ Tĩa mua nhà đất ở số 25, phố Minh Khai của Hợp tác xã Ánh Hồng để ở. Năm 1967, cụ Yểng ốm yếu, bà xin đi làm Công ty gần nhà để chăm sóc. Bà Hạt và bà Thúy thay nhau ra chăm sóc cụ Yểng. Năm 1968, cụ Yểng đã qua đời tại nhà số 25, phố Minh Khai. Năm 1970, cụ Tĩa lấy cụ Quỳ từ tỉnh Vĩnh Phúc về làm vợ. Năm 1971, cụ Quỳ sinh ông Nguyễn Thành Chính. Bà vẫn ở cùng nhà số 25, phố Minh Khai cùng cụ Tĩa, cụ Quỳ.

Năm 1973, bà đi lấy chồng, dạm ngõ, ăn hỏi xong, gần ngày cưới, cụ Quỳ bảo bà phải để lại đôi vòng tai 02 chỉ vàng bà đang đeo. Bà không đồng ý vì là vật kỷ niệm của mẹ bà để lại. Từ hôm đó bà và cụ Quỳ không được bình yên, cụ Quỳ không cho bà tổ chức đám cưới. Bà nhờ cơ quan, Công đoàn tổ chức cưới tại hội trường số 12, phố Tràng Thi. Ngày cưới của bà, nhà số 25, phố Minh Khai đóng cửa. Cụ Tĩa không can thiệp được vì nghe vợ mới. Năm 1974, cụ Quỳ sinh bà Nguyễn Thị Hiếu. Bà đi lấy chồng, bận đi làm, con nhỏ, chỉ ngày Tết, giỗ mẹ bà hoặc cụ Tĩa ốm, vợ chồng bà về thăm cụ Tĩa.

Năm 2007, cụ Tĩa ốm, bà ra thăm, cụ Tĩa đưa cho bà tờ giấy viết tay, nhà số 25B, phố Minh Khai do cụ Tĩa và cụ Yểng cùng mua. Bà có quyền lợi ở đó, ông Chính không đồng ý. Khi cụ Tĩa chết, ông Chính không báo cho bà, mà tổ trưởng dân phố báo cho bà biết. Các chị bà ở quê cùng các con bà đến bệnh viện Thanh Nhàn nhận khăn tang, phúng viếng cụ Tĩa lần cuối. Cụ Tĩa chết được 50 ngày, bà đến thắp hương, ông Chính bảo bà từ nay không được đến. Bất bình trước thái độ của ông Chính, bà làm đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Tòa án đã thụ lý hồ sơ, đến phường xác minh, nhà 25B, phố Minh Khai có kiện tụng, nên chưa làm sổ đỏ.

Năm 2019, khi biết giải tỏa phố Minh Khai, nhà số 25B, phố Minh Khai sẽ không còn. Bà ra thắp hương tổ tiên lần cuối, ông Chính không cho bà vào nhà và nói gặp nhau ở phường giải quyết. Cụ Yểng mua nhà số 25, phố Minh Khai, chết cũng ở

nhà số 25B, phố Minh Khai, bà đã xây mộ, 3 người con gái 3 nơi thờ cúng cụ Yểng. Bà Cao Thị Hạt lấy chồng, sinh được 5 người con gồm: Anh Phạm Mạnh Tường, sinh năm 1967 (chết chưa có vợ), anh Phạm Mạnh Khương, sinh năm 1968 (chết chưa có vợ), chị Phạm Thị Nhường, sinh năm 1971 (chết còn bé), chị Phạm Thị Huệ, sinh năm 1973 và anh Phạm Kim Cương, sinh năm 1975.

Năm 2020, UBND quận Hai Bà Trưng có quyết định đền bù đối với tài sản cụ Yểng. Do cụ Yểng đã chết, nên các con, cháu của cụ Yểng được thừa kế tài sản. Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Yểng là ½ số tiền bồi thường về đất là 8.606.797.502 đồng : 2 = 4.303.398.751 đồng cho những người thừa kế gồm cụ Tĩa, bà, bà Thúy và bà Hạt (đã chết, có 02 con là chị Huệ và anh Cương), mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 4.303.398.751 đồng : 4 = 1.075.849.699 đồng.

6. *Uỷ ban nhân dân quận Hai Bà Trưng do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 5744/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Thành Chính và các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa (đã chết), cụ Nguyễn Thị Quỳ (đã chết) và cụ Nguyễn Thị Yểng (đã chết) tại địa chỉ 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng kèm theo phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư, toàn bộ số tiền bồi thường về đất, bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và tiền hỗ trợ chính sách tự lo tái định cư được bồi thường và hỗ trợ chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản bị thu hồi là ông Nguyễn Thành Chính và các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa (đã chết), cụ Nguyễn Thị Quỳ (đã chết) và cụ Nguyễn Thị Yểng (đã chết). Số tiền theo mục 3.3 tại Phương án chi tiết là tiền hỗ trợ ổn định đời sống là hỗ trợ cho những người đang thực tế ăn ở tại địa chỉ thu hồi đất. Uỷ ban nhân dân quận Hai Bà Trưng đã gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo vào Kho bạc Nhà nước quận Hai Bà Trưng và sẽ chi trả số tiền đó theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS - ST, ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hiếu về áp dụng thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hiếu về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Tĩa theo di chúc và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Qùy theo pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Hệt (tức Hương) về áp dụng thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng đối với quyền hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa. Xác định cụ Tĩa không được hưởng thừa kế di sản của cụ Yểng do hết thời hiệu. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hệt (tức Hương), chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng theo pháp luật.

3. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Nguyễn Văn Tĩa và cụ Nguyễn Thị Yểng là quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23, diện tích 95,99m^2, tại số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường 9.419.295.652 đồng. Chia tài sản chung vợ chồng cho cụ Tĩa, cụ Yểng, mỗi người được sở hữu 4.709.647.826 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm linh chín triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

4. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Yểng là ngày 12/6/1968. Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Yểng gồm: Cụ Nguyễn Văn Tĩa, bà Cao Thị Hạt (đã chết, có người thừa kế là chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương), bà Cao Thị Thúy và bà Cao Thị Hệt (tức Hương). Chia di sản của cụ Yểng là 4.709.647.826 đồng theo pháp luật cho bà Thúy, bà Hệt (tức Hương), mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 1.569.882.609 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm linh chín đồng), chia cho chị Huệ, anh Cương, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 784.941.304 đồng (Bảy trăm tám mươi tư triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm linh tư đồng).

5. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Nguyễn Văn Tĩa và cụ Nguyễn Thị Quỳ là một phần quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23, diện tích 95,99m^2, tại số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường 4.709.647.826 đồng. Chia tài sản chung vợ chồng cho cụ Tĩa, cụ Qùy, mỗi người được sở hữu 2.354.823.913 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm mười ba đồng).

6. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa là ngày 04/02/2008. Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tĩa gồm: Cụ Nguyễn Thị Quỳ, ông Nguyễn Văn Chung, ông Nguyễn Thành Chính, bà Nguyễn Thị Hiếu. Chia cho cụ Quỳ được hưởng thừa kế di sản của cụ Tĩa không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là 392.470.652 đồng. Công nhận Di chúc ngày 22/12/2007 của cụ Tĩa là hợp pháp và có hiệu lực một phần. Chia phần di sản còn lại của cụ Tĩa là 1.962.353.261

đồng theo di chúc cho ông Chính hưởng 1.569.882.609 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm linh chín đồng), cho bà Hiếu hưởng 392.470.652 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

7. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Quỳ là ngày 16/12/2011. Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quỳ gồm: Ông Nguyễn Văn Chức, ông Nguyễn Thành Chính, bà Nguyễn Thị Hiếu. Chia di sản của cụ Quỳ là 2.747.294.565 đồng theo pháp luật cho ông Chức, ông Chính, bà Hiếu, mỗi người được hưởng 915.764.855 đồng (Chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng).

8. Ông Nguyễn Thành Chính và bà Phan Thanh Vân được chia số tiền bồi thường giá trị tài sản gắn liền đất là 247.222.400 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm đồng.

9. Ông Nguyễn Thành Chính, bà Phan Thanh Vân, anh Nguyễn Trung Nghĩa, ông Nguyễn Thành Chung, mỗi người được chia số tiền bồi thường hỗ trợ khác là 11.486.000 đồng (Mười một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 8, 9/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn kháng cáo của ông Chính và ông Chung, nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng quy định của pháp luật. Xác định quyền thừa kế, người được hưởng thừa kế và chia di sản thừa kế không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Chính và các thành viên gia đình ông Chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn - ông Chính đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chính và ông Chung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại phiên tòa là bà Cao Thị Hệt, giữ nguyên quan điểm yêu cầu chia thừa kế đối với phần giá trị quyền sử dụng đất, còn lại các khoản tiền khác không yêu cầu chia và để cho ông Chính được hưởng. Đối với ông Nguyễn Văn Chức đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì

kháng cáo của ông Chính và ông Chung là không có cơ sở. Khoản tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đều là di sản thừa kế và phải chia đều cho các đồng thừa kế.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Chính phát biểu và đề nghị

Chấp nhận kháng cáo của ông Chính, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Xác định cụ Tĩa được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Yểng như các bà Hạt, bà Hệt và bà Thúy vì cùng hàng thừa kế.

- Xác định khoản tiền tái định cư không phải di sản thừa kế mà là dành cho người đang sinh sống trên đất chính là gia đình ông Chính và ông Chung.

- Đề nghị tính công sức cho cụ Tĩa và gia đình ông Chính trong việc bảo quản, gìn giữ và duy trì làm tăng giá trị di sản.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Chung phát biểu và đề nghị :

Ngoài các nội dung như Luật sư của ông Chính đã phát biểu, đề nghị xác định ông Chung cũng được hưởng một kỷ phần thừa kế của cụ Yểng vì ông Chung được cụ Tĩa và cụ Nga nhận làm con nuôi trước khi cụ Tĩa lấy cụ Yểng, sau đó ông Chung sống cùng với cụ Yểng, sau khi cụ Yểng chết thì ông Chung tiếp tục sống cùng cụ Tĩa và cụ Quỳ.

Các Luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét việc vận dụng cũng như áp dụng các quy định pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Xác định phạm vi di sản để chia là tiền bồi thường quyền sử dụng đất 8.606.797.502đồng, trừ tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp khi thu hồi đất 20.637.850đồng là 8.586.159.652 đồng.

- Xác định thời hiệu chia thừa kế di sản do cụ Yểng để lại vẫn còn. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Yểng gồm cụ Tĩa, bà Hệt, bà Thúy, bà Hạt (do anh Cương, chị Huệ nhận). Trích công sức quản lý di sản thừa kế của cụ Yểng cho cụ Tĩa bằng 1/3 di sản thừa kế, trích công sức cho ông Chính bằng ½ kỷ phần thừa kế (trích trước khi chia thừa kế). Giá trị di sản còn lại của cụ Yểng chia cho 04 thừa kế của cụ Yểng.

- Không phân chia số tiền bồi thường tài sản trên đất, tiền hỗ trợ khác cho các thành viên trong gia đình ông Chính; tiền tự lo tái định cư.

- Chia di sản của cụ Quỳ để lại làm 04 kỉ phần (03 kỉ phần cho 03 người con là ông Chức, bà Hiếu, ông Chính và 01 kỉ phần công sức cho ông Chính).

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DSST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng như nội dung phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn - ông Chính và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chung có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, ông Chính đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông Chung là người cao tuổi không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

2. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Chính và ông Chung:

2.1 *Đối với nội dung kháng cáo cho rằng cụ Nguyễn Thị Yểng - mẹ của bà Hệt, bà Hạt, bà Thúy không phải là cụ Nguyễn Thị Yểng - vợ thứ hai của cụ Tĩa*

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Bản sao giấy khai sinh đăng ký ngày 08/5/1962 của bà Hệt được Ủy ban hành chính khu Hai Bà nhận thực ngày 16/9/1967 thể hiện họ, tên, tuổi của người đứng khai là Nguyễn Thị Yểng, 42 tuổi, 147 phố Minh Khai, khu Hai Bà, Hà Nội (BL 383). Địa chỉ này của cụ Yểng trùng với địa chỉ của cụ Tĩa, cụ Yểng tại Giấy nhượng nhà và đất hoa màu giữa HTX Ánh Hồng và cụ Tĩa, cụ Yểng ngày 08/10/1966 (BL 385).

- Tại Sơ yếu lý lịch của bà Hệt lập ngày 10/8/1967, được Ủy ban hành chính khu Hai Bà xác nhận ngày 01/9/1967, Giấy giới thiệu ngày 07/10/1967 của Phòng Lao động khu phố Hai Bà - Hà Nội giới thiệu bà Hệt đến Công ty Tiểu Ngũ Kim công tác đều thể hiện chỗ ở của bà Hệt là 25B phố Minh Khai (BL 384, 230).

- Tại Văn bản số 389/TP ngày 23/8/2022 của Phòng tư pháp quận Hai Bà Trưng cấp thể hiện, cụ Nguyễn Thị Yểng, chết ngày 12/6/1968 tại nhà riêng, đăng ký khai tử tại Ủy ban hành chính khu Hai Bà Trưng, số 274, ngày 17/6/1968. Thông tin

về ngày mất của cụ Yểng trùng khớp với thông tin ghi trên bia mộ của cụ Yểng do bà Hệt cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm (BL 440, 229).

- Tại các tài liệu do bà Hệt cung cấp như Bằng tốt nghiệp bổ túc văn hóa do Sở giáo dục Hà nội cấp ngày 19/8/1972, tờ khai chứng minh nhân dân của bà Hệt ngày 29/5/1978, Sơ lược lý lịch ngày 22/11/1990 được Tổng Công ty điện máy và xe đạp, xe máy xác nhận ngày 25/11/1990 đều thể hiện bà Hệt quê ở Xâm Hồng, xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, có cha là Cao Văn Nghênh, mẹ là Nguyễn Thị Yểng. Trước khi đi lấy chồng ở 25B Minh Khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Chức (con riêng cụ Quỳ) trình bày, cụ Quỳ và cụ Tĩa chung sống với nhau từ khoảng năm 1969, khi đó ông 10 tuổi. Quá trình hai cụ chung sống, ông thường ra nhà số 25B Minh Khai vào dịp nghỉ hè hoặc Tết ở chơi khoảng 01 tháng hoặc hơn 01 tháng. Ông có gặp bà Hệt nhưng khi đó bà Hệt trẻ, khác với bây giờ. Khi ông ra nhà số 25B phố Minh Khai, cụ Yểng đã chết nên ông không biết bà Hệt có quan hệ như thế nào với cụ Yểng. Ở nhà cụ Tĩa, bà Hệt xưng hô là bố - con. Sau đó, có vài lần ông gặp bà Hệt ở đầu ngõ Hòa Bình 1 (khi đó ông làm xe ôm, bà Hệt đi qua, hai chị em có gật đầu chào nhau). Sau khi xem bản sao tờ khai Chứng minh nhân dân ngày 29/5/1978 của bà Hệt (tức Hương) và bản sao Giấy chứng minh nhân dân của bà Hệt (tức Hương) do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 29/5/2010, ông xác định ảnh trong giấy chứng minh nhân dân này là ảnh của bà Hệt.

Tại các tài liệu trong quá trình giải quyết đơn đề nghị của bà Hệt liên quan đến nhà đất tại 25B Minh Khai do UBND phường Minh Khai cung cấp như Biên bản xác minh ngày 14/01/2008, Biên bản hòa giải ngày 25/01/2008, cụ Tĩa đều có lời khai khẳng định cụ có nuôi 01 người con riêng của cụ Yểng là Cao Thị Hệt từ lâu không nhớ. Nay bà Hệt đòi quyền sử dụng đất tại 25 Minh Khai, cụ Tĩa thừa nhận một phần vì bà Hệt là con riêng của cụ Yểng sống ở đây với vợ chồng cụ nên cũng có phần được hưởng tài sản... (BL 407). Cụ có viết giấy chia một phần tài sản chung chưa chia cho bà Hệt. Cụ Tĩa có đưa ra phương án *xin cấp GCN QSDĐ, QSH nhà đứng tên cụ Tĩa, cụ Yểng hoặc đứng tên đồng sở hữu là cụ Tĩa, ông Chính, bà Hệt (tức Hương) hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật* (BL 412 - 413).

Tại Biên bản hòa giải ngày 17/01/2008 tại UBND phường Minh Khai; báo cáo ngày 24/12/2007, ông Phạm Ngọc Thiều - Tổ trưởng Tổ dân phố số 2 khẳng định cụ Yểng - vợ hai của cụ Tĩa có con riêng là bà Hương. Cụ Yểng và bà Hương sống cùng

cụ Tĩa ở 25B Minh Khai, đến khi cụ Yểng chết, bà Hương đi lấy chồng năm 1973 (BL 404).

Như vậy, lời khai của bà Hệt thể hiện bà và bà Thúy, bà Hạt là con riêng của cụ Nguyễn Thị Yểng - vợ cụ Tĩa phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được nêu ở trên. Cụ Tĩa khi còn sống cũng có lời khai xác nhận cụ Yểng - vợ cụ Tĩa có con riêng là bà Hệt (tức Hương) sống cùng hai cụ tại 25B Minh Khai. Mặc dù năm sinh của cụ Yểng tại một số tài liệu như Giấy khai sinh của bà Hệt, trích lục khai tử.. có sự khác nhau (1920, 1922...) nhưng các thông tin khác về nhân thân như ngày mất, nơi thường trú... đều thống nhất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Nguyễn Thị Yểng - mất năm 1968, vợ thứ hai của cụ Tĩa là mẹ bà Thúy, bà Hạt, bà Hệt là có cơ sở.

Tài liệu do ông Chính cung cấp như bia mộ cụ Yểng chỉ thể hiện cụ Nguyễn Thị Yểng sinh năm 1921, không rõ ngày mất (BL 355). Tại Đơn đề nghị đăng ký lại việc tử ghi ngày 25/11/2019, ông Chính kê khai cụ Yểng mất ngày 24/6/1968 tại thôn Liên Đông, (Đông La cũ), xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Khi cụ Yểng chết có ông Vũ Kim Thắng biết. Phần mộ của cụ Yểng được chính quyền và nhân dân thôn Liên Đông mai táng đặt tại nghĩa trang thôn Liên Đông (thôn Đông La cũ), xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, Hải Dương và được gia đình ông Thắng thờ cúng... Tại đơn này, ông Thắng (SN 1966) chỉ xác nhận ông đang thờ cúng ngôi mộ của cụ Nguyễn Thị Yểng quê gốc tại Hà Nội theo di nguyện của bố ông là đúng. Ông Vũ Kim Trận (SN 1971) xác nhận gia đình ông đang coi sóc mộ phần của cụ Yểng quê gốc Hà Nội. UBND xã Hồng Quang xác nhận thực tế tại nghĩa trang Đống Lim, thôn Liên Đông có mộ phần của cụ Nguyễn Thị Yểng di tản từ Hà Nội về địa phương. Như vậy, các phần xác nhận tại Đơn đề nghị của ông Chính chỉ thể hiện tại nghĩa trang thôn Đống Lim có mộ phần cụ Nguyễn Thị Yểng, hiện gia đình ông Vũ Kim Thắng đang trông nom thờ cúng, cụ Yểng quê gốc Hà Nội mà không đưa ra được căn cứ xác định cụ Yểng này với cụ Yểng - vợ cụ Tĩa là không phải một người.

2.2. *Về việc xác định di sản:*

Tại thời điểm cụ Yểng mất (năm 1968), mặc dù đất đai là sở hữu toàn dân, nhưng diện tích đất cụ Yểng, cụ Tĩa mua của HTX Ánh Hồng năm 1966 đến năm 2020, Nhà nước mới thu hồi đất và thực hiện chính sách đền bù, hỗ trợ. Tại thời điểm thu hồi đất, quyền sử dụng đất trên vẫn là tài sản chung chưa chia của cụ Yểng, cụ Tĩa và cụ Quỳ. Nay các bên đương sự chỉ có tranh chấp về số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; không tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, việc ông Chung, ông Chính kháng

cáo cho rằng phần quyền sử dụng đất của cụ Yểng tại 25B Hai Bà Trưng (khi cụ Yểng mất) không được coi là di sản thừa kế của cụ Yểng là không có cơ sở chấp nhận.

***2.3** Về việc áp dụng thời hiệu chia thừa kế:*

Cụ Yểng chết năm 1968. Ngày 30/3/2021, bà Hiếu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hệt, bà Thúy, bà Hạt (người thừa kế là anh Cương, chị Huệ) do bà Hệt là đại diện theo ủy quyền yêu cầu chia phần di sản của cụ Yểng trong khối tài sản có tranh chấp.

Nguyên đơn đề nghị áp dụng thời hiệu yêu cầu chia thừa kế di sản do cụ Yểng để lại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hệt đề nghị áp dụng thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ Yểng đối với cụ Tĩa và các con của cụ Tĩa. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà Hiếu vì cho rằng bà Hiếu không phải là người thừa kế của cụ Yểng nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Yểng là đúng.

Đối với yêu cầu chia di sản của bà Hệt, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày, tại thời điểm cụ Tĩa, cụ Yểng nhận chuyển nhượng nhà, đất của HTX Ánh Hồng, trên đất có ngôi nhà cấp 4 cụ Tĩa, cụ Yểng đã sống trên ngôi nhà đó đến năm 1968 thì cụ Yểng chết, ngôi nhà đó vẫn còn, sau đó cụ Tĩa lấy cụ Quỳ và tiếp tục sống trên ngôi nhà đó. Căn cứ theo quy định tại mục I.2.2.a Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao: "*Khi xác định thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 1/7/1991 và di sản là nhà ở thì thời gian từ ngày 1/7/1996 đến ngày 1/1/1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện*".

Căn cứ quy định trên thì thời hiệu khởi kiện đối với di sản thừa kế là nhà (gắn liền với quyền sử dụng đất) được xác định đến ngày 10/3/2023. Do vậy yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Yểng vẫn còn trong thời hiệu. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà Hệt, xác định thời hiệu yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Yểng đã hết nên cụ Tĩa không được hưởng thừa kế di sản của cụ Yểng là không phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chính, bà Hiếu là các đồng thừa kế của cụ Tĩa. Nếu xác định thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của cụ Yểng đã hết thì không chia thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chia thừa kế cho các con cụ Yểng là bà Hệt, bà Hạt và bà Thúy mà truất quyền thừa kế của cụ Tĩa (do hết thời hiệu) là không đúng quy định của pháp luật.

Do vậy xác định kháng cáo của ông Chính, ông Chung về nội dung này là có cơ sở nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

2.4. *Về việc ông Nguyễn Thành Chung đề nghị được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Yểng, xét thấy:*

Ông Nguyễn Thành Chung, sinh năm 1952, được cụ Nga là vợ thứ nhất của cụ Tĩa và cụ Tĩa nhận nuôi từ khi còn nhỏ. Sau khi cụ Nga chết, năm 1962, cụ Tĩa lấy cụ Yểng, thời điểm này ông Chung được 10 tuổi, đến năm 1968 cụ Yểng chết, thời gian ông Chung sống cùng với cụ Yểng là 06 năm. Thực tế có việc ông Chung sống cùng với cụ Yểng và cụ Tĩa nhưng cụ Yểng không nhận nuôi ông Chung. Các đương sự trong vụ án không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa ông Chung và cụ Yểng có quan hệ mẹ nuôi, con nuôi (hoặc có quan hệ nuôi dưỡng). Do đó, việc ông Chung, ông Chính kháng cáo cho rằng vì ông Chung được cụ Yểng chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi cụ Yểng và cụ Tĩa về sống chung cho đến khi cụ Yểng chết nên ông Chung cũng được hưởng di sản thừa kế của cụ Yểng là không có căn cứ.

2.5. *Về việc nhập tài sản có trước khi kết hôn của cụ Tĩa vào khối tài sản chung của cụ Tĩa và cụ Quỳ để chia:*

Căn cứ lời khai của các đương sự và cung cấp của Phòng tư pháp quận Hai Bà Trưng xác định, cụ Tĩa và cụ Quỳ kết hôn ngày 18/6/1970. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: *vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới.* Do đó, mặc dù nhà đất tại 25B Hai Bà Trưng được cụ Tĩa và cụ Yểng mua từ năm 1966, trước khi kết hôn với cụ Quỳ, nhưng căn cứ vào quy định trên thì phần tài sản của cụ Tĩa tại số 25B Hai Bà Trưng cũng là tài sản chung vợ chồng của cụ Tĩa và cụ Quỳ sau khi hai cụ kết hôn. Tuy nhiên cần xem xét công sức đóng góp tạo lập nên khối tài sản chung đó.

2.6 *Về việc xác định phạm vi di sản để chia thừa kế:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Hệt) đều xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với tiền bồi thường quyền sử dụng đất (Biên bản phiên tòa trang 33, 34), còn các khoản bồi thường, hỗ trợ khác là của gia đình ông Chính, bà Vân, anh Nghĩa, ông Chung. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hệt giữ nguyên quan điểm chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Chức đồng ý với quan điểm của bà Hệt. Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, ông Chức lại có yêu cầu chia thừa

kế đối với cả phần bồi thường tài sản trên đất, phần tiền hỗ trợ tái định cư ông không đề cập đến. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông Chức không kháng cáo.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì khi xác định số tiền hỗ trợ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào số nhân khẩu của hộ gia đình và điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định, khoản tiền này không thuộc di sản thừa kế của các cụ để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền tự lo tái định cư 833.136.000 đồng thuộc di sản thừa kế và chia cho các đồng thừa kế là không đúng và vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự.

Như vậy, xác định phạm vi di sản thừa kế để chia là toàn bộ tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi là 8.606.797.502 đồng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, tính công sức cho cụ Tĩa, cụ Quỳ và ông Chính đã có công gìn giữ, tôn tạo, bảo quản duy trì làm tăng giá trị di sản là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Thửa đất cụ Tĩa, cụ Yểng nhận chuyển nhượng từ năm 1966 đến năm 1968 (sau 2 năm) thì cụ Yểng chết. Năm 1970 cụ Tĩa lấy cụ Quỳ, hai cụ tiếp tục quản lý, sử dụng, tôn tạo, bảo quản gìn giữ di sản đến năm 2008 thì cụ Tĩa chết và năm 2011 cụ Quỳ chết.

Đối với ông Chính là người sống cùng cụ Quỳ, có công sức trong việc chăm lo, phụng dưỡng hai cụ lúc tuổi già, là người đứng ra lo toan việc ma chay (mặc dù cũng có sự phối hợp của các thành viên khác trong gia đình nhưng các đương sự trong vụ án đều khẳng định ông Chính là người chủ động và là người chủ yếu lo các việc trọng đại này. Từ sau khi cụ Quỳ chết (năm 2011) đến khi nhà đất bị thu hồi (năm 2020), gia đình ông Chính là người trực tiếp quản lý, sử dụng và bảo quản di sản, do vậy cần tính công sức hợp lý cho người quản lý, bảo quản di sản.

***2.7** Đối với việc đánh giá tính hợp pháp của Di chúc:*

Quá trình giải quyết vụ án, ông Chính đề nghị chia di sản của bố ông theo Di chúc; các tài sản khác nếu có tranh chấp, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xem xét về hình thức và nội dung của di chúc nhận thấy :

Ngày 22/12/2007, tại nhà số 25B, phố Minh Khai, cụ Tĩa tuổi cao, sức yếu, không thể tự tay viết di chúc, nên tuyên bố nội dung với bà Lê Thị Bích Nga để bà Nga ghi chép và chế bản bằng máy vi tính. Sau đó, cụ Tĩa đã nghe đọc lại và ký vào bản di chúc trước mặt 02 người làm chứng là ông Phạm Thi và ông Khúc Văn Quân.

Ông Thi, ông Quân viết lời chứng, xác nhận cụ Tĩa minh mẫn, tỉnh táo, bà Nga ghi đúng lời trình bày của cụ Tĩa, cụ Tĩa đã được nghe đọc lại di chúc và ký vào bản di chúc dưới sự chứng kiến của người làm chứng. Trong di chúc, cụ Tĩa xác định tài sản của mình là diện tích 94,9m^2 đất tại số 25B, phố Minh Khai. Toàn bộ nhà cấp 4, nhà bán kiên cố tại số 25B, phố Minh Khai thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Chính, bà Vân. Cụ Tĩa quyết định cho ông Chính được toàn quyền sử dụng 94,9m^2 đất tại số 25B, phố Minh Khai sau khi cụ Tĩa qua đời. Ông Chính có trách nhiệm tiếp tục phụng dưỡng, báo hiếu mẹ già, chăm lo cuộc sống cho ông Chung, lo việc thờ cúng và chịu toàn bộ chi phí ma chay cho bố mẹ mà không được yêu cầu anh, em đóng góp. Ông Chung là con nuôi chỉ được ở cùng ông Chính, không có quyền lợi gì khác. Trường hợp ông Chính chuyển nhượng nhà, đất cho người khác hoặc nhà đất có sự thay đổi tạo ra nguồn tài chính đền bù, thì ông Chính phải cho bà Hiếu một số tiền tương đương 20% giá trị đất hoặc 20% tổng số tiền đền bù. Ông Chung được tiếp tục ở với ông Chính tại nơi ở mới. Xét thấy, 02 người làm chứng đều xác nhận cụ Tĩa minh mẫn, tỉnh táo trong khi lập di chúc, không bị ai lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép, nên có căn cứ chấp nhận việc lập di chúc thể hiện đúng ý chí của cụ Tĩa. Di chúc được lập thành văn bản gồm 03 trang, không đánh số thứ tự, cụ Tĩa và 02 người làm chứng ký tên vào từng trang của di chúc. Di chúc có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm: Ngày, tháng, năm lập di chúc; Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc; Họ, tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản; Di sản để lại và nơi có di sản. Đến nay, di sản của cụ Tĩa đã bị thu hồi toàn bộ, căn cứ Án lệ số 34/2020/AL về quyền lập di chúc định đoạt giá trị bồi thường về đất trong trường hợp đất bị Nhà nước thu hồi có bồi thường, cụ Tĩa có quyền lập di chúc định đoạt tài sản trên. Tuy nhiên, quyền sử dụng 95,99m^2 đất tại số 25B, phố Minh Khai là tài sản chung của cụ Tĩa, cụ Yểng, cụ Quỳ, việc cụ Tĩa định đoạt toàn bộ là vượt quá phần quyền tài sản của mình. Cụ Quỳ là vợ cụ Tĩa nhưng không được cụ Tĩa cho hưởng di sản theo di chúc. Sau sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế của cụ Tĩa, cụ Quỳ không từ chối nhận di sản. Theo Điều 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; b) Con thành niên mà không có khả năng lao động. 2. Quy định tại khoản 1 Điều này*

không áp dụng đối với người từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620 hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản theo quy định tại khoản 1 Điều 621 của Bộ luật này.". Căn cứ vào các Điều 630, 631, 632, 634, 643, 644, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án xác định Di chúc ngày 22/12/2007 hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế của cụ Tĩa, cụ Tĩa có quyền định đoạt phần quyền tài sản của cụ trong khối tài sản chung là quyền sử dụng 95,99m^2 đất tại số 25B, phố Minh Khai. Chia cho cụ Quỳ được hưởng thừa kế di sản của cụ Tĩa bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Chung, ông Chính, sửa bản án sơ thẩm về phần chia thừa kế

2.8. *Việc chia thừa kế thực hiện như sau*

- Xác định phạm vi di sản thừa kế để chia là tiền bồi thường quyền sử dụng đất 8.606.797.502đồng, trừ khoản tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp khi thu hồi đất 20.637.850đồng nên số tiền còn lại là **8.586.159.652 đồng.**

- Xác định thời hiệu chia thừa kế di sản do cụ Nguyễn Thị Yểng để lại vẫn còn. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Yểng gồm cụ Nguyễn Văn Tĩa, bà Cao Thị Hệt, bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hạt (do bà Hạt đã chết nên anh Phạm Kim Cương, chị Phạm Thị Huệ là người thừa kế chuyển tiếp).

- Không phân chia số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi; tiền chính sách tự lo tái định cư và tiền các khoản bồi thường hỗ trợ khác.

2.8.1. *Trích công sức quản lý di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng cho cụ Nguyễn Văn Tĩa bằng một kỷ phần thừa kế, cụ thể:*

8.586.159.652 đồng : 3 = 2.862.053.217 đồng/1 kỷ phần.

Chia tài sản chung vợ chồng cụ Nguyễn Văn Tĩa, cụ Nguyễn Thị Yểng

Xác định kỷ phần của cụ Tĩa là 2.862.053.217 đồng cộng với một kỷ phần được tính công sức. Như vậy cụ Nguyễn Văn Tĩa được chia 5.724.106.434 đồng.

2.8.2 *Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Yểng là ngày 12/6/1968.

Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Yểng gồm: cụ Nguyễn Văn Tĩa, bà Cao Thị Hạt (đã chết, có người thừa kế là chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương), bà Cao Thị Thúy và bà Cao Thị Hệt (tức Hương).

Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế có tên trên, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là:

2.862.053.217 đồng : 4 = 715.513.304 đồng/ 1 kỷ phần.

2.8.3. *Phần chia tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Tĩa, cụ Nguyễn Thị Quỳ*

Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Tĩa và cụ Nguyễn Thị Quỳ là 5.724.106.434 đồng, cộng với kỷ phần thừa kế của cụ Tĩa được hưởng của cụ Yểng 715.513.304 đồng nhập chung vào tài sản chung của vợ chồng, tổng cộng là 6.439.619.738 đồng.

Chia tài sản chung của vợ chồng cụ Tĩa, cụ Quỳ, mỗi người được kỷ phần là:

6.439.619.738 đồng : 2 = 3.219.809.869 đồng/kỷ phần

2.8.4. *Phần chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Tĩa:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa là ngày 04/02/2008.

Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tĩa gồm cụ Nguyễn Thị Quỳ, ông Nguyễn Văn Chung, ông Nguyễn Thành Chính, bà Nguyễn Thị Hiếu. Nếu di sản của cụ Tĩa được chia theo pháp luật thì mỗi người thừa kế được hưởng là :

3.219.809.869 đồng : 4 = 804.952.467 đồng.

Do xác định Di chúc của cụ Tĩa là hợp pháp nên cụ Quỳ được hưởng thừa kế di sản của cụ Tĩa không phụ thuộc vào di chúc bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật (như nội dung và căn cứ trích dẫn nêu trên). Kỷ phần của cụ Quỳ được chia là:

804.952.467 đồng x 2/3 = 536.634.978 đồng.

Phần di sản còn lại của cụ Tĩa là :

3.219.809.869 đồng - 536.634.978 đồng = 2.683.174.891 đồng.

Theo nội dung Di chúc thì ông Chung không được cụ Tĩa chia thừa kế nên di sản còn lại của cụ Tĩa được chia cho ông Chính hưởng 80% là = 2.146.539.912 đồng; chia cho bà Hiếu hưởng 20% = 536.634.978đồng.

2.8.5. *Phần chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Quỳ:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Quỳ là ngày 16/12/2011.

Giá trị di sản của cụ Quỳ là:

3.219.809.869 đồng + 536.634.978 đồng = 3.756.444.847 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quỳ gồm ông Nguyễn Văn Chức, ông Nguyễn Thanh Chính và bà Nguyễn Thị Hiếu. Trích công sức cho ông Chính bằng 1 kỷ phần thừa kế của cụ Quỳ.

Di sản của cụ Quỳ được chia như sau :

3.756.444.847 đồng : 4 = 939.111.212 đồng.

Ông Chức, bà Hiếu, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Quỳ là 939.111.212 đồng.

Ông Chính được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Quỳ và trích công sức bằng 1 kỷ phần thừa kế, tổng cộng là 1.878.222.424 đồng.

2.8.6 *Quyền lợi của các đương sự được hưởng sau các lần chia thừa kế là:*

Bà Nguyễn Thị Hiếu được hưởng:

536.634.978đồng + 939.111.212 đồng = 1.475.746.190đồng.

Ông Nguyễn Thành Chính được hưởng:

2.146.539.912 đồng + 1.878.222.424 đồng = 4.024.762.336 đồng.

Ông Nguyễn Văn Chức được hưởng 939.111.212 đồng.

Bà Cao Thị Thúy, bà bà Cao Thị Hệt (tức Hương), mỗi người được hưởng 715.513.304 đồng.

Chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương được hưởng chung 1 kỷ phần thừa kế của bà Hạt là 715.513.304 đồng..

2.8.7. Đối với các khoản tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ không thuộc di sản thừa kế được chia

- Ông Nguyễn Thành Chính và bà Phan Thanh Vân được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi là 247.222.400 đồng.

- Ông Nguyễn Thành Chính, bà Phan Thanh Vân, anh Nguyễn Trung Nghĩa, ông Nguyễn Thành Chung (4 người) được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ khác là 45.944.000đồng và tiền chính sách tự lo tái định cư là 833.136.000 đồng, tổng cộng là 879.080.000 đồng, kỷ phần của mỗi người là 219.770.000 đồng.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Thành Chính và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành Chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

3. Về án phí:

Các đương sự được chia thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản tiền bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất; tiền bồi thường, hỗ trợ khác và tiền chính sách tự lo tái định cư không được xác định là di sản, ông Nguyễn Văn Chức có yêu cầu chia đối với các khoản tiền này nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn Chức, bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hệt (tức Hương) được xác định là người cao tuổi nên được miễn án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần kháng cáo nên người có đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 29 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 610, 611, 612, 613, 614, 623, 630, 631, 632, 634, 643, 644, 649, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản; Án lệ số 34/2020/AL về quyền lập di chúc định đoạt giá trị bồi thường về đất trong trường hợp đất bị Nhà nước thu hồi có bồi thường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội).

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST, ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hiếu về áp dụng thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hiếu về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Tĩa theo di chúc và chia di

sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Qùy theo pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Hệt (tức Hương) về áp dụng thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng đối với quyền hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa. Xác định cụ Nguyễn Văn Tĩa được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng do còn thời hiệu khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hệt (tức Hương), chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng theo pháp luật.

3. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ Nguyễn Văn Tĩa và cụ Nguyễn Thị Yểng là quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5H-II-23, diện tích 95,99m^2, tại số 25B, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã bị Nhà nước thu hồi và được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi là **8.606.797.502 đồng**.

4. Xác định phạm vi di sản thừa kế để chia là toàn bộ tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi 8.606.797.502 đồng, trừ khoản tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp khi thu hồi đất 20.637.850đồng nên số tiền còn lại là **8.586.159.652 đồng.**

5. Phần chia thừa kế như sau:

5.1. *Trích công sức quản lý di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng cho cụ Nguyễn Văn Tĩa bằng một kỷ phần thừa kế là* 2.862.053.217 đồng/1 kỷ phần**.**

Chia tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Tĩa, cụ Nguyễn Thị Yểng:

Xác định kỷ phần của cụ Nguyễn Văn Tĩa được chia 5.724.106.434 đồng.

Kỷ phần của cụ Nguyễn Thị Yểng được chia là 2.862.053.217 đồng.

5.2 *Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Yểng là ngày 12/6/1968.

Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Yểng gồm cụ Nguyễn Văn Tĩa, bà Cao Thị Hạt (bà Hạt đã chết nên người thừa kế của bà Hạt là chị Phạm Thị Huệ và anh Phạm Kim Cương), bà Cao Thị Hệt và bà Cao Thị Thúy.

Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Yểng cho cụ Nguyễn Văn Tĩa, bà Cao Thị Hệt, bà Cao Thị Thúy và bà Cao Thị Hạt (bà Hạt đã chết nên người thừa kế của bà Hạt là chị Phạm Thị Huệ và anh Phạm Kim Cương được hưởng phần thừa kế của bà Hạt), mỗi người được hưởng 715.513.304 đồng/1 kỷ phần.

5.3. *Phần chia tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Tĩa, cụ Nguyễn Thị Quỳ*

Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Tĩa và cụ Nguyễn Thị Quỳ tổng cộng là 6.439.619.738 đồng.

Chia tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Tĩa, cụ Nguyễn Thị Quỳ, mỗi người được chia là 3.219.809.869 đồng.

5.4. *Phần chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Tĩa:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tĩa là ngày 04/02/2008.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Tĩa gồm cụ Nguyễn Thị Quỳ, ông Nguyễn Thành Chung, ông Nguyễn Thành Chính và bà Nguyễn Thị Hiếu.

Xác định cụ Nguyễn Thị Quỳ được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Tĩa không phụ thuộc vào di chúc là 536.634.978 đồng.

Công nhận Di chúc lập ngày 22/12/2007 của cụ Nguyễn Văn Tĩa là hợp pháp và có hiệu lực một phần. Chia phần di sản còn lại của cụ Nguyễn Văn Tĩa là 2.683.174.891 đồng theo di chúc cho ông Nguyễn Thành Chính được hưởng 2.146.539.912 đồng; chia cho bà Nguyễn Thị Hiếu được hưởng 536.634.978 đồng.

5.5. *Phần chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Quỳ:*

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Quỳ là ngày 16/12/2011.

Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Quỳ gồm ông Nguyễn Văn Chức, ông Nguyễn Thành Chính, bà Nguyễn Thị Hiếu.

Trích công sức cho ông Nguyễn Thành Chính bằng 1 kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị Quỳ.

Chia di sản của cụ Nguyễn Thị Quỳ 3.756.444.847 đồng theo pháp luật cho ông Nguyễn Văn Chức, bà Nguyễn Thị Hiếu, mỗi người được hưởng 939.111.212 đồng. Ông Nguyễn Thành Chính được hưởng 1.878.222.424 đồng.

Quyền lợi của các đương sự được hưởng sau khi chia thừa kế là:

Bà Nguyễn Thị Hiếu được hưởng 1.475.746.190đồng.

Ông Nguyễn Thành Chính được hưởng 4.024.762.336 đồng.

Ông Nguyễn Văn Chức được hưởng 939.111.212 đồng.

Bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hệt (tức Hương), mỗi người được hưởng 715.513.304 đồng. Chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương được hưởng chung một kỷ phần thừa kế của bà Cao Thị Hạt là 715.513.304 đồng (kỷ phần của chị Huệ và anh Cương mỗi người là 357.756.652 đồng).

6. Quyền lợi đối với các khoản tiền ngoài phần di sản thừa kế được chia

6.1. Ông Nguyễn Thành Chính và bà Phan Thanh Vân được nhận số tiền bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất là 247.222.400 đồng.

6.2. Ông Nguyễn Thành Chính, bà Phan Thanh Vân, anh Nguyễn Trung Nghĩa, ông Nguyễn Thành Chung, được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ khác 45.944.000đồng và tiền chính sách tự lo tái định cư (45.944.000đồng + 833.136.000 đồng), tổng cộng là 879.080.000 đồng. Kỷ phần của mỗi người là 219.770.000 đồng.

7. **Về án phí:**

7.1. Bà Nguyễn Thị Hiếu phải chịu 56.272.385 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011755 ngày 01/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Số tiền án phí còn phải nộp 44.272.385 đồng.

7.2. Ông Nguyễn Thành Chính phải chịu 72.495.246 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Thành Chính đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0012797, ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng. Số tiền án phí ông Chính còn phải nộp là 72.195.246 đồng.

7.3. Ông Nguyễn Văn Chức, bà Cao Thị Thúy, bà Cao Thị Hệt (tức Hương), ông Nguyễn Thành Chung được miễn án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7.4. Chị Phạm Thị Huệ, anh Phạm Kim Cương mỗi người phải chịu 32.620.532đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8. Sau khi nộp tiền án phí xong, các đương sự có quyền đến Uỷ ban nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để nhận số tiền trên theo quyết định của bản án.

9. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**